

TỔNG CÔNG TY MAY HÙNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Văn phòng Hà Nội
P801, Tầng 8, Tòa nhà Dilmah Tower,
Lô A2A, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng
Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

www.vaaco.com.vn



TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tháng 3 năm 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Dương	Chủ tịch
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Ủy viên
Bà Phạm Thị Lan Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Trung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Dương	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Xuân Phác	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Dương
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Số: 34/2013/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 20/3/2013, từ trang 07 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi được mời tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012, tuy nhiên, việc tham gia chứng kiến kiểm kê của chúng tôi cũng như việc soát xét các tài liệu kiểm kê của Công ty chưa đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến. Mặt khác, chúng tôi không tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2012, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán khác thay thế do hạn chế từ phía Tổng công ty. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về tính đầy đủ, tính đúng đắn về giá trị, tính trình bày và tính hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định, cũng như sự ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp làm cơ sở để kiểm tra tính đúng kỳ, tính đầy đủ của doanh thu xuất khẩu ghi nhận trong tháng 12/2012. Mặt khác, một số lô hàng thực tế xuất bán trong tháng 12/2012 được Tổng công ty ghi nhận vào doanh thu và giá vốn năm 2013, lần lượt là 2.633.625.900 VND và 1.543.608.792 VND. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về sự ảnh hưởng của vấn đề này tới chỉ tiêu doanh thu bán hàng và các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận của các khoản phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán và trả trước cho người bán với số dư tại ngày 31/12/2012 lần lượt là 30.432.520.948 VND, 4.683.163.984 VND, 9.349.817.944 VND và 14.008.615.000 VND. Các thủ tục kiểm toán khác thay thế chưa đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về tính đầy đủ, tính đúng đắn về giá trị và tính trình bày của các khoản mục này, cũng như sự ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tổng công ty chưa theo dõi cụ thể các tài sản cố định đã thanh lý và mang đi góp vốn trong năm tương ứng với bảng chi tiết khấu hao tài sản cố định, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để kiểm tra và đưa ra các điều chỉnh cần thiết. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về vấn đề này, cũng như sự ảnh hưởng (nếu có) tới các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu pháp lý thể hiện tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty vào Công ty Cổ phần May Sơn Động, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình, Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên, Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý và Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư dệt may Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa thu thập được các tài liệu cần thiết để xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Sơn Động, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình, Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên, Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý, Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong và Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư dệt may Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về sự ảnh hưởng của vấn đề này tới các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tại ngày 31/12/2012, Tổng công ty phản ánh khoản trả trước cho một số nhà cung cấp thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH Châu Giang (hợp đồng xây dựng ký trực tiếp với Công ty TNHH Châu Giang và hóa đơn các nhà cung cấp phát hành cho Công ty TNHH Châu Giang) mà không có thỏa thuận ba bên về việc Tổng công ty sẽ thay Công ty TNHH Châu Giang thanh toán cho nhà cung cấp, số tiền 12.420.615.000 VND. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về sự ảnh hưởng của vấn đề này tới các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rằng:

Năm 2012, Tổng công ty chưa xác định giá thị trường đối với các giao dịch liên kết và kê khai các giao dịch liên kết theo mẫu GCN-01/QLT quy định tại Phụ lục 1-GCN/CC ban hành kèm theo Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính, cũng như điều chỉnh ảnh hưởng liên quan đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (nếu có).

Tổng công ty xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở tổng lợi nhuận kế toán và điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán đối với khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và cổ tức, lợi nhuận được chia, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm mà chưa xem xét ảnh hưởng của các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán khác. Mặt khác, do có nhiều cách diễn giải về việc áp dụng và tuân thủ các luật thuế hiện hành, thuế và các khoản phải nộp nhà nước có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế tiến hành thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế sau này.

Tổng công ty chưa phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công trên chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán.

Tổng công ty phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Phú Hưng vay 850.000.000 VND là khoản cho vay không tính lãi, không có hợp đồng, biên bản, thoả thuận vay trên khoản mục các khoản phải thu khác và khoản cho Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong vay 3.500.000.000 VND là khoản cho vay không tính lãi trên khoản mục đầu tư dài hạn khác của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Trong năm, Tổng công ty mới chỉ thực hiện việc kê khai thuế thu nhập cá nhân (đã kê khai đến hết quý 4/2012) và tạm nộp đi theo số đã kê khai mà chưa phản ánh nghĩa vụ phải nộp đối với số thuế tính trên các khoản tiền lương, tiền công đã chi trả cho người lao động trong năm, số tiền ước tính hơn 300 triệu VND (sang năm 2013, khi quyết toán với cơ quan thuế, Tổng công ty mới phản ánh và thu lại của người lao động).

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng công ty. Tổng công ty chưa lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.



Vũ Thị Hương Giang

Phó Giám đốc

Số chứng chỉ KTV: 0388/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Vũ Hoài Nam

Kiểm toán viên

Số chứng chỉ KTV: 1436/KTV

115
DN
HH
M
ET
IN
IF
VC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		135.800.077.526	128.481.250.115
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.158.511.009	85.426.803.123
1. Tiền	111		6.658.511.009	12.426.803.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.500.000.000	73.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	24.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.106.572.888	24.809.454.190
1. Phải thu khách hàng	131		30.592.520.948	24.722.395.724
2. Trả trước cho người bán	132		14.241.615.000	292.482.450
5. Các khoản phải thu khác	135	7	2.376.322.859	898.461.935
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.103.885.919)	(1.103.885.919)
IV- Hàng tồn kho	140		13.188.852.457	16.192.930.422
1. Hàng tồn kho	141	8	13.188.852.457	16.192.930.422
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.346.141.172	2.052.062.380
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.180.141.172	1.361.062.380
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	166.000.000	691.000.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		134.451.086.490	92.000.379.148
II- Tài sản cố định	220		4.662.5197.168	39.228.877.083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	46.625.197.168	39.228.877.083
- Nguyên giá	222		137.972.119.382	121.333.199.621
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.346.922.214)	(82.104.322.538)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	87.825.889.322	52.771.502.065
1. Đầu tư vào công ty con	251		51.565.000.000	21.965.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		24.159.895.322	14.791.508.065
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12.100.994.000	16.014.994.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		270.251.164.016	220.481.629.263

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		126.517.802.500	89.587.912.778
I- Nợ ngắn hạn	310		126.517.802.500	84.233.813.243
2. Phải trả người bán	312		17.808.941.915	12.343.962.067
3. Người mua trả tiền trước	313		4.683.163.984	774.308.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	16.652.940.083	9.253.865.347
5. Phải trả người lao động	315		53.884.509.904	39.782.157.541
6. Chi phí phải trả	316	13	130.379.437	1.205.837.489
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	10.950.454.398	10.874.540.213
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.407.412.779	9.999.141.802
II- Nợ dài hạn	330		-	5.354.099.535
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	5.354.099.535
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		143.733.361.516	130.893.716.485
I- Vốn chủ sở hữu	410		143.733.361.516	130.893.716.485
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	89.838.000.000	43.400.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	15	-	1.200.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	33.564.010	21.595.744.358
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	13.336.069.924	8.644.406.152
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	40.525.727.582	56.053.565.975
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		270.251.164.016	220.481.629.263

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	DVT	31/12/2012	31/12/2012
5. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	301.635,68	552.645,40
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	4,41	4,41

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Dương

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	345.768.683.296	313.085.819.855
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	-	312.029.738
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	345.768.683.296	312.773.790.117
4. Giá vốn hàng bán	11	17	203.937.498.239	178.856.534.804
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		141.831.185.057	133.917.255.313
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	25.373.417.971	7.997.620.751
7. Chi phí tài chính	22	19	459.438.490	873.602.507
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		124.246.556	182.749.488
8. Chi phí bán hàng	24		50.259.020.361	35.316.565.907
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.929.902.334	46.618.626.896
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		70.556.241.843	59.106.080.754
11. Thu nhập khác	31	20	5.740.218.084	2.361.174.804
12. Chi phí khác	32	20	197.448.807	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	5.542.769.277	2.361.174.804
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		76.099.011.120	61.467.255.558
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	10.786.453.136	10.181.628.450
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		65.312.557.984	51.285.627.108
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	10.304	11.817

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013
Tổng Giám đốc


Nguyễn Xuân Dương

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	346.063.171.293	319.902.266.845
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(147.277.309.960)	(108.548.532.450)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(124.154.046.409)	(123.834.761.404)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(124.246.556)	(182.749.488)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.377.500.000)	(7.355.275.722)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.243.915.793	4.056.970.933
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30.677.484.216)	(23.655.183.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.696.499.945	60.382.735.154
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.010.558.820)	(11.985.695.779)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.636.364	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(73.000.000.000)	(4.564.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.000.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.311.060.555)	(6.175.087.427)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.645.508.065	7.231.828.115
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.963.753.887	13.212.276.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.661.721.059)	5.779.321.263
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.816.239.329	9.981.135.787
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.816.239.329)	(13.658.163.201)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.303.071.000)	(13.019.999.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.303.071.000)	(16.697.027.364)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(36.268.292.114)	49.465.029.053
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85.426.803.123	36.063.480.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(101.706.242)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	49.158.511.009	85.426.803.123

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Dương

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần được chuyển đổi theo Quyết định số 204/QĐ-TĐDMVN ngày 22/4/2011 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần May Hưng Yên thành Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi: lần thứ năm ngày 17/5/2011, lần thứ sáu ngày 11/6/2012, lần thứ bảy ngày 14/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ: 89.838.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm dệt may các loại;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Dịch vụ đào tạo cắt may công nghiệp ngắn hạn;
- Xây dựng nhà cho thuê;
- Dịch vụ giặt, in, thêu và sản xuất bao bì;
- Dịch vụ vận tải;
- Kinh doanh nguyên, phụ liệu hàng may mặc;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại: số 8 Bạch Đằng, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.

Tổng công ty có Chi nhánh tại Hải Phòng hạch toán phụ thuộc. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0213004860 ngày 27/11/2008. Địa chỉ: số 594 Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại thời điểm 31/12/2012 và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ (các khoản mục tiền tệ) được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, không phát sinh chênh lệch tỷ giá đánh giá lại.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2012 và 31/12/2011 là 20.828 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Số dự phòng nợ khó đòi Công ty đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính lũy kế đến 31/12/2012 là 1.103.885.919 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 08
Dụng cụ quản lý	03

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua, nếu có, như chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế và phí ngân hàng. Khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 31/12/2012 là giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Tiên Hưng với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ, tương đương 10.965.000.000 VND, Công ty Cổ phần Phú Hưng với tỷ lệ sở hữu 55% vốn điều lệ, tương đương 11.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần May Sơn Động, số tiền 19.600.000.000 VND và Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình, số tiền 10.000.000.000 VND. Năm 2012, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Tiên Hưng là 7.650.000.000 VND, Công ty Cổ phần Phú Hưng là 1.650.000.000 VND.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác từ Công ty liên kết mà Tổng công ty nhận được, ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia, được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31/12/2012 là giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần May Hưng Việt, chiếm 25% vốn điều lệ, tương đương 1.250.000.000 VND; Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong, chiếm 34% vốn điều lệ, tương đương 4.896.000.000 VND; Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý, số tiền 6.000.000.000 VND và Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên, số tiền 12.013.895.322 VND. Năm 2012, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần May Hưng Việt là 750.000.000 VND.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào: Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may, Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long, Công ty Cổ phần Bảo Hưng, Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư dệt may Việt Nam; khoản cho Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong vay không tính lãi. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư. Năm 2012, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long là 302.959.000 VND, Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may là 303.464.200 VND, Công ty Cổ phần Bảo Hưng là 1.740.000.000 VND.

Đầu tư ngắn hạn khác

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm khoản mua trái phiếu xây dựng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý, số tiền 2.000.000.000 VND và khoản cho Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam và Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên vay với số tiền lần lượt là 8.000.000.000 VND và 14.000.000.000 VND, thời gian thu hồi không quá 12 tháng.

4.8 Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh và được phản ánh trên chỉ tiêu chi phí tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9 Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm tiền mua thuốc cho trạm y tế và các chi phí khác thực tế đã phát sinh nhưng đến 31/12/2012 chưa có đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng công ty bao gồm vốn góp của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Trong năm, Công ty tăng vốn điều lệ từ 43.400 triệu VND lên 89.838 triệu VND, trong đó, kết chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang là 31.900 triệu VND và kết chuyển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang là 14.538 triệu VND.

Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2011 được Tổng công ty phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 19/3/2012, cụ thể: chia cổ tức bằng tiền mặt 21.700.000.000 VND, trích quỹ đầu tư phát triển 10.337.819.652 VND, trích quỹ dự phòng tài chính 5.127.379.547 VND, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10.254.759.094 VND, trích thưởng cán bộ công nhân viên 4.500.000.000 VND, bổ sung vốn điều lệ 2.820.000.000 VND.

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 được Tổng công ty phân phối theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/BB-HĐCĐ ngày 03/12/2012, cụ thể: chia cổ tức bằng tiền mặt 13.603.071.000 VND và chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ 11.718.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09-DN

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xuất khẩu được ghi nhận trên cơ sở tờ khai xuất khẩu và vận đơn vận chuyển (Bill of lading) có xác nhận ngày chất hàng lên tàu, hóa đơn đã phát hành và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, chênh lệch tỷ giá, cổ tức, lợi nhuận được chia và thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Cụ thể:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chia cổ tức của bên nhận đầu tư.
- + Thu nhập từ chuyển nhượng vốn là khoản thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng vốn góp của Tổng công ty vào Công ty TNHH May Phố Hiến.

4.12 Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

- + Lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2012.

4.13 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Năm 2012, Tổng công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi cho lao động nữ trong năm (theo Điều 17, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Ngoài ra, Tổng công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính do Tổng công ty sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công dệt may.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 Bên liên quan

Tập đoàn Dệt may Việt Nam góp 40% vốn điều lệ và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tập đoàn Dệt may Việt Nam được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Tổng công ty có các Công ty con là Công ty Cổ phần Tiên Hưng (góp 51% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Phú Hưng (góp 55% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Sơn Động và Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình; các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần May Hưng Việt (góp 25% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong (góp 34% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên và Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý. Theo đó, các Công ty này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 25.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	76.945.415	361.365.588
Tiền gửi ngân hàng	6.581.565.594	12.065.437.535
Các khoản tương đương tiền	42.500.000.000	73.000.000.000
Cộng	49.158.511.009	85.426.803.123

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Cho vay ngắn hạn	22.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên	14.000.000.000	-
Trái phiếu xây dựng	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý	2.000.000.000	-
Cộng	24.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	721.541.445	247.344.444
Phải thu cơ quan BHXH	765.541.414	651.117.491
Cho Công ty Cổ phần Phú Hưng vay không tính lãi	850.000.000	-
Phải thu khác	39.240.000	-
Cộng	2.376.322.859	898.461.935

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	502.828.078	512.194.935
Công cụ, dụng cụ	183.302.948	131.679.195
Thành phẩm	12.291.576.684	15.395.663.268
Hàng gửi đi bán	211.144.747	153.393.024
Cộng	13.188.852.457	16.192.930.422

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	27.052.591.366	90.075.961.108	3.217.960.915	986.686.232	121.333.199.621
Mua sắm	-	18.979.662.420	716.400.000	-	19.696.062.420
Thanh lý, nhượng bán	-	1.638.787.008	527.521.364	-	2.166.308.372
Giảm khác	890.834.287	-	-	-	890.834.287
Số dư tại 31/12/2012	26.161.757.079	107.416.836.520	3.406.839.551	986.686.232	137.972.119.382
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	11.051.503.298	68.296.654.943	1.780.930.222	975.234.075	82.104.322.538
Khấu hao trong năm	1.151.465.109	9.902.146.695	354.355.597	11.452.155	11.419.419.556
Thanh lý, nhượng bán	-	1.613.278.981	355.580.584	-	1.968.859.565
Giảm khác	207.960.315	-	-	-	207.960.315
Số dư tại 31/12/2012	11.995.008.092	76.585.522.657	1.779.705.235	986.686.230	91.346.922.214
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2012	16.001.088.068	21.779.306.165	1.437.030.693	11.452.157	39.228.877.083
Số dư tại 31/12/2012	14.166.748.987	30.831.313.863	1.627.134.316	2	46.625.197.168

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2012 là 66.389.663.731 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	166.000.000	191.000.000
Cho Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong vay	-	500.000.000
Cộng	166.000.000	691.000.000

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ góp vốn (%)		31/12/2012	01/01/2012
	Theo thực tế	Theo ĐKKD	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con			51.565.000.000	21.965.000.000
Công ty Cổ phần Tiên Hưng	51,00	51,00	10.965.000.000	10.965.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hưng	55,00	55,00	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động			19.600.000.000	-
Công ty Cổ phần May XK Ninh Bình			10.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			24.159.895.322	14.791.508.065
Công ty Cổ phần May Hưng Việt	25,00	25,00	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động	35,56	35,56	-	6.400.000.000
Công ty TNHH May Phố Hiến	50,00	50,00	-	2.145.508.065
Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong	34,00	34,00	4.896.000.000	4.896.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý			6.000.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên			12.013.895.322	-
Đầu tư dài hạn khác			12.100.994.000	16.014.994.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may	7,08	-	2.476.994.000	2.476.994.000
Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	1,10	3,40	204.000.000	204.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hưng	19,33	19,33	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư Dệt may Việt Nam			120.000.000	120.000.000
Trái phiếu xây dựng			-	6.564.000.000
Cho vay dài hạn			3.500.000.000	850.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hưng			-	850.000.000
Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong			3.500.000.000	-
Cộng			87.825.889.322	52.771.502.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09-DN

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.652.940.083	9.243.986.947
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.878.400
Cộng	16.652.940.083	9.253.865.347

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí phải trả khác	130.379.437	1.205.837.489
Cộng	130.379.437	1.205.837.489

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	1.442.342.842	1.408.342.842
Phải trả về cổ phần hoá	2.566.120.671	2.566.120.671
Phải trả khác	6.941.990.885	6.900.076.700
Cộng	10.950.454.398	10.874.540.213

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	43.400.000.000	-	21.595.744.358	8.644.406.152	18.649.797.339
Tăng trong năm trước	-	1.200.000.000	-	-	51.627.706.734
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	14.223.938.098
Số dư cuối năm trước	43.400.000.000	1.200.000.000	21.595.744.358	8.644.406.152	56.053.565.975
Số dư đầu năm nay	43.400.000.000	1.200.000.000	21.595.744.358	8.644.406.152	56.053.565.975
Tăng trong năm nay	46.438.000.000	4.500.000.000	10.337.819.652	5.127.379.547	65.312.557.984
Giảm trong năm nay	-	5.700.000.000	31.900.000.000	435.715.775	80.840.396.377
Số dư cuối năm nay	89.838.000.000	-	33.564.010	13.336.069.924	40.525.727.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	43.400.000.000	43.400.000.000
Tăng trong năm	46.438.000.000	-
Giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	89.838.000.000	43.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.303.071.000	13.019.999.950

CỔ PHIẾU

	31/12/2012 Cổ phiếu	01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.983.800	4.340.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.983.800	4.340.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.983.800</i>	<i>4.340.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.983.800	4.340.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.983.800</i>	<i>4.340.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	56.053.565.975	18.649.797.339
Tăng trong năm	65.312.557.984	51.627.706.734
Lợi nhuận trong năm	65.312.557.984	51.285.627.108
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế	-	342.079.626
Giảm trong năm	80.840.396.377	14.223.938.098
Bổ sung vốn điều lệ	14.538.000.000	-
Chia cổ tức	35.303.071.000	13.019.999.950
Trích quỹ đầu tư phát triển	10.337.819.652	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	5.127.379.547	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.254.759.094	-
Trích thưởng cán bộ công nhân viên	4.500.000.000	-
Kết chuyển sang cổ phiếu quỹ	-	1.200.000.000
Nộp phạt thuế	779.367.084	3.938.148
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	40.525.727.582	56.053.565.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.768.683.296	313.085.819.855
Doanh thu bán hàng	344.786.227.531	311.897.291.139
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.145.454	314.129.545
Doanh thu khác	888.310.311	874.399.171
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	312.029.738
Giảm giá hàng bán	-	312.029.738
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.768.683.296	312.773.790.117

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng bán	203.937.498.239	178.856.534.804
Cộng	203.937.498.239	178.856.534.804

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.317.895.765	5.577.111.373
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.116.450.428	116.523.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	464.579.843	2.303.986.378
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	2.474.491.935	-
Cộng	25.373.417.971	7.997.620.751

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	124.246.556	182.749.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	335.191.934	498.845.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	192.007.183
Cộng	459.438.490	873.602.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012 Năm 2011 VND	2011 Năm 2010 VND
Thu nhập khác	5.740.218.084	2.361.174.804
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	196.090.909	60.000.000
Thu từ thanh lý, nhượng bán CCDC	-	58.554.545
Thu từ đánh giá tài sản mang đi góp vốn	-	1.962.352.409
Thu khác	223.551.315	280.267.850
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.320.575.860	-
Chi phí khác	197.448.807	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	197.448.807	-
Lợi nhuận khác	5.542.769.277	2.361.174.804

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	76.099.011.120	61.467.255.558
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	221.844.072
Lỗ CLTG chưa thực hiện	-	192.007.183
Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang	-	29.836.889
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	13.308.457.611	116.523.000
Lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang	192.007.183	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.116.450.428	116.523.000
Tổng lợi nhuận chịu thuế (4 = 1+2-3)	62.790.553.509	61.572.576.630
Thuế suất thuế TNDN (5)	25%	25%
Thuế TNDN được giảm (6)	4.911.185.241	5.211.515.708
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7 = 4*5-6)	10.786.453.136	10.181.628.450
Chi tiết (6):		
Thuế TNDN được giảm do thực chi cho lao động nữ	1.077.004.314	740.748.891
Thuế TNDN được giảm 30% (*)	3.834.180.927	4.470.766.817
(*) = (62.790.553.509 - 9.317.895.765 - 2.474.491.935 + 124.246.556) x 25% x 30%		

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.237.132.515	29.223.283.177
Chi phí nhân công	152.426.844.116	143.130.265.017
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.419.419.556	10.683.240.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.022.224.775	26.523.236.659
Chi phí khác	33.548.284.902	21.667.090.581
Cộng	257.653.905.864	231.227.116.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	65.312.557.984	51.285.627.108
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)	65.312.557.984	51.285.627.108
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (3)	6.338.302	4.340.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (4=2/3)	10.304	11.817

24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2012 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

25. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Số dư với bên liên quan	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Tiên Hưng		
Vốn góp	10.965.000.000	10.965.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động		
Phải trả về hàng hoá, dịch vụ	7.548.709.963	5.475.683.403
Vốn góp	19.600.000.000	6.400.000.000
Công ty TNHH May Phố Hiến		
Vốn góp	-	2.145.508.065
Công ty Cổ phần Phú Hưng		
Vốn góp	11.000.000.000	11.000.000.000
Phải trả về hàng hoá, dịch vụ	-	1.721.033.253
Cho vay	850.000.000	850.000.000
Công ty Cổ phần May Hưng Việt		
Vốn góp	1.250.000.000	1.250.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phải trả về cổ phần hóa	2.566.120.671	2.566.120.671
Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong		
Vốn góp	4.896.000.000	4.896.000.000
Cho vay	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý		
Vốn góp	6.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn (trái phiếu xây dựng)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình		
Vốn góp	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên		
Vốn góp	12.013.895.322	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty Cổ phần Tiên Hưng		
Bán hàng hoá, dịch vụ	497.725.658	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	347.545.300	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.975.180.358	-
Cổ tức được chia	7.650.000.000	-
Thu tiền cổ tức	3.825.000.000	5.355.000.000
Bù trừ tiền cổ tức và tiền mua hàng hóa, dịch vụ	3.825.000.000	-
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	150.180.358	-
Thu tiền cho vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động		
Bán hàng hoá, dịch vụ	-	605.255.536
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	753.360.036
Mua hàng hoá, dịch vụ	24.875.661.402	24.771.560.406
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	22.802.634.842	21.973.229.879
Góp vốn	13.200.000.000	-
Giảm vốn góp	-	1.630.301.175
Công ty TNHH May Phố Hiến		
Bán hàng hoá, dịch vụ	792.000	16.555.848
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	792.000	16.555.848
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	597.538.310
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	-	597.538.310
Chuyển nhượng vốn góp	2.145.508.065	-
Lợi nhuận được chia	720.000.000	450.000.000
Thu tiền lợi nhuận	720.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Hưng		
Bán hàng hoá, dịch vụ	280.209.653	10.300.000
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	10.300.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	5.449.131.885	5.049.268.634
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	5.239.955.485	3.328.235.381
Cổ tức được chia	1.650.000.000	-
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	280.209.653	-
Bù trừ tiền cổ tức và tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.650.000.000	-
Giảm vốn góp	-	5.656.753.332
Cho vay	-	850.000.000
Công ty Cổ phần May Hưng Việt		
Mua hàng hoá, dịch vụ	357.957.600	-
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	357.957.600	-
Cổ tức được chia	750.000.000	-
Thu tiền cổ tức	750.000.000	625.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Chia cổ tức	8.680.000.000	-
Trả tiền cổ tức	8.680.000.000	-
Kinh phí tham gia Tập đoàn phát sinh	260.000.000	-
Nộp tiền kinh phí tham gia Tập đoàn	260.000.000	-
Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong		
Góp vốn	-	4.896.000.000
Cho vay	3.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09-DN

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý		
Góp vốn	5.900.000.000	-
Mua trái phiếu xây dựng	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình		
Góp vốn	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên		
Góp vốn	12.513.895.322	-
Giảm vốn góp	500.000.000	-

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và được điều chỉnh theo biên bản thanh tra của Thanh tra Tỉnh Hưng Yên ngày 01/6/2012. Cụ thể:

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán	31/12/2011 sau kiểm toán	01/01/2012 điều chỉnh lại	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.595.944.973	9.253.865.347	342.079.626
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55.711.486.349	56.053.565.975	(342.079.626)

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Dương